

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 24 - 02 - 2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Bà Hoàng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn T Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Trú tại: Thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1989. Trú tại: Đ, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đặng Văn Q ngày 23 tháng 7 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q thường xuyên rượu chè. Chị đã bỏ về nhà ngoại, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm

2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Đặng Minh T, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2014, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 01 năm 2023, bà Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ anh Q) trình bày:

Anh Đặng Văn Q và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, anh chị chung sống cùng gia đình được hơn một tháng chị T mang thai, gia đình rất quan tâm, không có mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Giữa anh Q và chị T có mâu thuẫn hay không, bà không biết. Sau khoảng 2 tháng chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện M, thành phố Hà Nội sinh sống, từ đó không quay lại gia đình bà.

Bà Th đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà có thông báo cho anh Q biết nội dung các văn bản trên nhưng anh Q đang đi làm ăn xa nên không đến Tòa án để trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Anh có quan điểm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Đặng Minh T, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2014, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn gia đình bà có nguyện vọng được nuôi cháu T.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị chung sống cùng gia đình bà khoảng 2 tháng nên tài sản chung, công nợ chung không có.

Bà Th đồng ý để Tòa án lấy lời khai về quan hệ hôn nhân của anh Q chị T nhưng bà không ký vào biên bản lấy lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị T anh Q đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn

của chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đặng Minh T của chị T. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T anh Q là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q kết hôn ngày 23 tháng 7 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 tháng, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết anh Q không có mặt.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh Q đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Đặng Minh T, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2014. Hiện nay con chung đang ở với chị T, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Cháu Đặng Minh T hiện nay đang ở với chị T. Anh Q có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đặng Minh T có đơn đề nghị được ở với chị T. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, ổn định học tập đối với con chung, HĐXX thấy cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đặng Minh T là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của chị T về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Đặng Minh T, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đặng Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002108 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị T phải nộp. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Đặng Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã P;
- UBND xã T, huyện M, TP. Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng